TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/DS - ST
Ngày: 28/8/2017
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Như Y
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Văn L
2. Ông Nguyễn Hoàng T

Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc B, thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H *tham gia phiên toà:* Ông Trần Trung K - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2016/TLST – DS, ngày 11 tháng 10 năm 2016 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2017 giữa các đương:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1933

Địa chỉ: (không có số nhà) ấp 1, xã An T, huyện H, tỉnh B

Bị đơn: bà Sơn Thị P, sinh năm 1938

Địa chỉ: (không có số nhà) ấp 1, xã An T, huyện H, tỉnh B

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đỗ Thị H:

Bà Phan Kim K – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Sơn Thị P:

Ông Lý Kim P1 – Là luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1970

2. Chị Trần Kim T, sinh năm 1972

3. Anh Nguyễn Thùy T1, sinh năm 1992

4. Anh Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1994

Anh N, chị T1, anh T2 ủy quyền cho chị T tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 14/3/2017)

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã An T, huyện H, tỉnh B.

5. Ông Trần Văn G, sinh năm 1967

6. bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968

7. Chị Trần Kim L, sinh năm 1989

8. Chị Trần Kim T, sinh năm 1990

9. Chị Trần Minh D, sinh năm 1992

10. chị Lê Thị T4 T, sinh năm 1992

Ông G, chị L, chị T4, anh Dương, chị T3 ủy quyền lại cho bà Đ1 (theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2017)

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã An T, huyện H, tỉnh B.

11. Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1983

12. Chị Ngô Phượng N, sinh năm 1985

13. Anh Ngô Văn H, sinh năm 1987

14. Lý Thị X (Sương), sinh năm 1992

15. Anh Trần Văn T5, sinh năm 1982

16. Chị Nguyễn Thùy T1, sinh năm 1992

17. Anh Nguyễn Chí D, sinh năm 1991

18.Nguyễn Thúy Q, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã An T, huyện H, tỉnh B.

19. Ủy ban nhân dân huyện H:

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Xuân T - Phó chủ tịch (theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2017).

(Bà H, bà P, bà KH, ông P1, bà Đ1 có mặt; anh Đ2, chị N, anh H, chị X, anh T5, chị T1, anh D, chị Q, đại diện Ủy ban có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2016 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/4/2017 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng bà Đỗ Thị H trình bày:

Bà yêu cầu bà Sơn Thị P giao trả phần đất tổng diện tích 23.011,2m^2. Trong đó, diện tích 19.706,8m^2 thuộc một phần thửa 397, 398 tờ bản đồ số 19; diện tích 3.304,4m^2 thuộc một phần thửa 396, tờ bản đồ số 19 nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Sơn Thị P được cấp năm 1996. Bà xác định nguồn gốc phần đất là do Tập đoàn Phú Hải cấp cho bà vào năm 1980. Đến năm 1982 thì bà để phần đất này lại cho con bà tên Ngô Văn K (K là con rễ của bà P) quản lý sử dụng. Đến năm 1984 bà Sơn Thị P từ chỗ khác đến và ở chung trên phần đất này. Phía bà P đánh đập bà và chiếm hữu, sử dụng phần đất nói trên. Bà đã nhiều lần trình báo đến chính quyền địa P yêu cầu can thiệp, nhưng không ai giải quyết cho bà và thời gian kéo dài từ năm 1984 đến nay. Đến năm 1996 khi bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà vẫn tiếp tục khiếu nại. Bà xác định bà không có lưu giữa tài liệu, giấy tờ gì để chứng minh cho việc bà đã khiếu nại từ năm 1984 đến nay.

Theo bà H xác định do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của bà Sơn Thị P là không đúng nên bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng của bà Sơn Thị P tại thửa số 397, 398, 396 tờ bản đồ số 19 (bản đồ 299) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Sơn Thị P.

Bà xác định là phần của bà, hộ bà Trần Kim T, hộ bà Nguyễn Thị Đ1, hộ của bà Ngô Phượng N, hộ ông Ngô Văn H, hộ ông Trần Văn T5, hộ ông Nguyễn Chí D, Sơn Thị P tư động đến cất nhà ở là vi phạm. Do đó, trường hợp Tòa án buộc bà P và những người nêu trên giao trả phần đất cho bà thì bà cũng không đồng ý bồi thường chi phí cất nhà trên phần đất.

Bị đơn bà Sơn Thị P trình bày: Nguồn gốc phần đất là do bà được nhà nước cấp năm 1982. Đến năm 1996 bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà sử dụng ổn định từ năm 1982 đến khoảng năm 2007 thì bà H tranh chấp với bà. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp vì sao bà cũng không biết. Nay bà xác định phần đất là của bà, bà không đồng ý giao trả theo yêu cầu của bà H.

Trường hợp Tòa án buộc bà giao trả đất thì bà yêu cầu bà H có trách nhiệm bồi thường cho bà theo biên bản định giá ngày 23/02/2017 bằng số tiền 20.735.000đ. Đối với cái cống thoát nước bà yêu cầu bà H bồi thường số tiền 4.406.325đ theo biên bản định giá.

Ngoài ra, bà P xác định vào tháng 4/2016 bà chuyển nhượng cho anh Nguyễn Chí D phần đất diện tích 06 công (trong phần đất bà H đang tranh chấp) với giá 280.000.000đ. Khi chuyển nhượng thì có làm giấy tay nhưng chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà đã nhận số tiền 200.000.000đ, còn lại số tiền 80.000.000đ khi nào sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì D mới trả đủ

tiền. Nay giữa bà và anh D đã thỏa thuận chuyển nhượng xong nên không có ý kiến yêu cầu gì.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện H trình bày: qua kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Sơn Thị P tại thửa 396, 397, 398 tờ bản đồ số 19, tổng diện tích 23.680m^2 được UBND huyện Giá Rai cấp năm 1996 là đúng theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Trần Kim T xác định vào năm 2010 bà P cho bà phần đất này và bà đã cất nhà ở cho đến nay, nên không đồng ý giao trả đất. Nếu trường hợp Tòa án buộc bà giao trả đất cho cho bà H thì bà yêu cầu bà H bồi thường giá trị căn nhà cất trên phần đất theo biên bản định giá ngày 23/2/2017 số tiền là 50.912.400đ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/3/2017 bà Nguyễn Thị Đ1 trình bày: bà xác định năm 1992 bà P cho bà phần đất để cất nhà ở cho đến nay, nên không đồng ý giao trả đất. Trường hợp Tòa án buộc bà P giao trả đất cho bà H thì bà yêu cầu bà H bồi thường chi phí căn nhà cất trên đất theo biên bản định giá ngày 23/2/2017 số tiền là 160.627.280đ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày Phan Văn Đ2 ngày 31/3/2017 và Ngô Phượng Niên ngày 10/3/2017 thống nhất xác định: vào năm 2010 bà P có cho anh chị phần đất để cất nhà ở cho đến nay., anh chị không đồng ý giao trả đất theo yêu cầu của bà H. Trường hợp Tòa án buộc giao trả đất cho bà H thì anh chị yêu cầu bà H bồi thường giá trị căn nhà theo biên bản định giá ngày 23/02/2017 số tiền là 40.576.800đ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/3/2017 anh Ngô Văn H và chị Lý Thị X thống nhất trình bày: vào năm 2014 bà P cho anh chị phần đất này để cất nhà ở và anh chị ở ổn định đến nay. Nay bà H yêu cầu giao trả anh chị không đồng ý. Trường hợp Tòa án buộc giao trả đất cho bà H thì anh chị yêu cầu bà H bồi thường giá trị căn nhà theo biên bản định giá ngày 23/02/2017 số tiền là 30.432.600đ

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/3/2017 anh Trần Văn T5 và biên bản ngày 31/3/2017 chị Nguyễn Thùy T1 trình bày: trước năm 2010 bà P cho bà Trần Kim T phần đất này để cất nhà ở. Đến năm 2010 thì bà T cho lại anh chị phần đất này và ở ổn định đến nay, nay bà H yêu cầu giao trả thì anh chị không đồng ý. Trường hợp Tòa án buộc giao trả đất cho bà H thì anh chị yêu cầu bà H bồi thường giá trị căn nhà theo biên bản định giá ngày 23/02/2017 số tiền là 40.020.0000đ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/6/2017 anh Nguyễn Chí D trình bày: vào năm 2016 anh có nhận chuyển nhượng của bà P phần đất diện tích 08 công với giá 300.000.000đ, anh đã trả trước 200.000.000đ, còn lại số tiền 100.000.000đ khi nào bà P sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh thì anh mới trả đủ tiền. Nay anh yêu cầu bà P tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán với anh, anh không có ý kiến gì khác. Đối với căn nhà anh cất trên đất, nếu buộc trả đất cho bà H, anh yêu

cầu bà Hòa bồi thường giá trị căn nhà theo biên bản định giá ngày 23/02/2017 bằng số tiền 22.330.000đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đỗ Thị H trình bày: Nguồn gốc phần đất là của tập đoàn Phú Hải cấp cho bà H. Đến năm 1984 bà giao lại cho ông Ngô Văn K quản lý sử dụng đất và bà P đã chiếm phần đất của bà, bà đã khiếu nại, tranh chấp từ năm 1991 đến nay. Từ các căn cứ nêu trên, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Sơn Thị P trình bày: Bà H xác định nguồn gốc đất do tập đoàn Phú Hải cấp cho bà nhưng bà không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của bà. Bà H cho rằng năm 1984 bà H giao đất lại cho con trai bà tên Ngô Văn K quản lý sử dụng. Tuy nhiên ông K xác định là không có việc bà H giao đất cho ông, mà phần đất trên là của bà P. Mặt khác, phần đất tranh chấp trên bà P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1996. Vì vậy đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Nguồn gốc phần đất bà H xác định là của tập đoàn Phú Hải cấp cho bà nhưng bà không có gì chứng minh. Bà xác định khoảng năm 1984 bà cho con bà tên Ngô Văn K quản lý sử dụng, thì bà P chiếm phần đất của bà cho đến nay. Tuy nhiên, ông K xác định không có việc bà H cho ông quản lý sử dụng đất, mà phần đất trên là của bà P. Bà P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ các căn cứ nêu trên đề nghị HĐXX xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H đối với bà Sơn Thị P, yêu cầu giao trả phần đất tổng diện tích 23.011,2m^2 tọa lạc tại ấp 1, xã An T, huyện H, tỉnh B, nằm tại thửa số 396, 397, 398 tờ bản đồ số 19, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Sơn Thị P.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị H đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 23.011,3m^2 tại thửa số 36, 37, 38, tờ bản đồ số 19, cấp năm 1996, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Sơn Thị P.

Về chí phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, lệ phí pho tô hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Đỗ Thị H đã dự nộp số tiền 900.000đ đã chi hết.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Đỗ Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: anh Đ2, chị N, anh H, chị X, anh T5, chị T1, anh D, chị Q, bà T và đại diện Ủy ban nhân dân huyện H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, T5 hành xét xử vắng mặt xác đương sự nêu trên.

Về nội dung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2016 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 03/4/2017, bà Đỗ Thị H yêu cầu bà Sơn Thị P giao trả phần đất, có vị trí cụ thể sau:

- Cạnh hướng Đông giáp kênh Sáu thước, cạnh dài 47.5m
- Cạnh hương Tây giáp đường lộ xi măng, cạnh dài 44.4m
- Cạnh hướng Nam giáp phần đất ông Châu Văn Trường, cạnh dài 70.0m
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất bà Đỗ Thị H đang sử dụng, cạnh dài 74.0m. Diện tích chung 3.304,4m^2.

Phần đất thứ 2, có vị trí sau:

- Cạnh hướng Đông giáp lộ xi măng, cạnh dài 44.4m
- Cạnh hướng Tây giáp phần đất của bà Nguyễn Thị Đúm, cạnh dài 37.9m
- Cạnh hướng Nam giáp phần đất của ông Châu Văn Trường, cạnh dài 584.0m
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của bà Đỗ Thị H, Nguyễn Kim Ai, Lê Văn Lẹ, cạnh dài 217.0m.

Diện tích chung: 19.706,8m^2.

Theo nguyên đơn bà H xác định nguồn gốc phần đất là do Tập đoàn Phú Hải cấp cho bà vào năm 1980. Sau đó bà giao lại cho con trai của bà là Ngô Văn Khởi quản lý, sử dụng. Bà P là mẹ vợ của anh Khởi từ nơi khác đến và chiếm hữu, sử dụng luôn phần đất của bà cho đến nay mặc dù bà đã nhiều lần khiếu nại.

Chứng cứ do bị đơn cung cấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 779044 được Ủy ban nhân dân huyện Giá Rai cấp ngày 29/9/1996 tại thửa số 396, 397, 398 tờ bản đồ số 19, tổng diện tích 23.680m^2 do bà Sơn Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời bà P là người quản lý, sử dụng đất ổn định từ năm 1982 đến nay.

Tại bản tự khai ngày 11/4/2017 của ông Nguyễn Xuân T – Phó chủ tịch UBND huyện H xác định trình tự, thủ tục cấp chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Sơn Thị P là đúng với quy định của pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp". Do đó bà Đỗ Thị H phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bà. Tuy nhiên, bà không đưa ra bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ và hợp pháp. Bà xác định năm 1980 bà được tập đoàn Phú Hải cấp đất, nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh phần đất này là do tập đoàn phú Hải cấp cho bà. Ngoài ra bà xác định phần đất trên bà giao lại cho ông Ngô Văn K quản lý sử dụng. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 18/8/2017 của anh Ngô Văn K xác định không có việc bà H cho anh quản lý, sử dụng phần đất này, anh không nhớ rõ năm nào nhưng khi anh đến nhà bà P ở rễ thì bà P đã được nhà nước cấp đất, phần đất tranh chấp này là của bà P. Đồng thời, tại phiên tòa bà H xác định năm 1980 tập đoàn Phú Hải chỉ cấp cho bà phần đất khoảng 70 công. Xét thấy, đến năm 1995 bà được Ủy ban nhân dân huyện Giá Rai cấp cho bà phần đất có diện tích 62.980m^2. Diện tích đất mà bà H được cấp giấy phù hợp với lời trình bày của bà H đối với diện tích 70 công đất được cấp.

Trong khi đó, bà Sơn Thị P xuất trình cho Tòa án giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp mang tên bà Sơn Thị P được cấp năm 1996 và bà P là người quản lý, sử dụng đất ổn định từ năm 1982 đến nay. Khi bà P được cấp đất thì bà H cũng không ngăn cản. Mặt khác, trên phần đất tranh chấp còn có 7 căn nhà, trong đó có 01 căn nhà của bà Sơn Thị P thì Bà H cũng không chứng minh được việc bà có ngăn cản khi những người này cất nhà trên phần đất được cho là đất của bà.

Từ những phân tích nêu trên nên không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của bà H.

Do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Sơn Thị P là phù hợp với quy định của pháp luật, nên yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị H tại thửa số 397, 398, 396 tờ bản đồ số 19 (bản đồ 299) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Sơn Thị P là không có căn cứ để chấp nhận.

Trên phần đất có 07 căn nhà, cụ thể sau:

1. Căn nhà của anh Nguyễn Chí D: ngang 5.5m, dài 07m, kết cấu sườn cây gỗ địa P, nền đất, vách lá, mái lộp tol xi măng, đòn tay cây gỗ địa P. Được định giá 22.330.000đ

2. Căn nhà của ông Nguyễn Văn N: ngang 6.6m, dài 13.3m, kết cấu sườn cây gỗ địa P, nền đất, vách lá, mái lộp tol xi măng, được định giá là 50.912.400đ

3. Căn nhà của anh Trần Văn T5: ngang 7.5m, dài 92m, kết cấu sườn cây gỗ địa P, nền đất, vách lá, mái lộp tol xi măng, đòn tay cây gỗ địa P, được định giá

40.020.000đ

4. Nhà của bà Sơn Thị P: ngang 5.2m, dài 6.5m, kết cấu sườn cây gỗ địa P, nền đất, vách lá, mái lộp tol xi măng, đòn tay cây gỗ địa P, được định giá là 20.735.000đ

5. Nhà của anh Phan Văn Đ2: ngang 6.6m, dài 10.6m, kết cấu sườn cây gỗ địa P, nền đất, vách lá, mái lộp tol xi măng, đòn tay cây gỗ địa P, được định giá là 40.576.000đ

6. Nhà của anh Ngô Văn H: ngang 5.3m, dài 9.9m, kết cấu sườn cây gỗ địa P, nền đất, vách lá, mái lộp tol xi măng, đòn tay cây gỗ địa P, được định giá 30.432.600đ

7. Nhà của ông Trần Văn G: gồm nhà trước và nhà sau. Nhà trước ngang 4.9m, dài 14.7m, kết cấu sườn bê tông cốt thép, nền lót gạch men, mái lộp tol xi măng, đòn tay gỗ dầu, vách đóng thiết, không trần, được định giá là 136.568.880đ Nhà sau ngang 3.4m, dài 12.2m, kết cấu sườn cây gỗ địa P, nền tráng xi măng, đòn tay cây gỗ địa P, được định giá là 24.058.400đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, do bà Sơn Thị P đồng ý tiếp tục để cho hộ anh D, anh N, anh T5, anh Đ2, anh Hậu, anh Giàu cất nhà ở trên phần đất, không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

Đối với phần đất bà Sơn Thị P xác định đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Chí D. Do bà P và anh D đã thống nhất, không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

Về chí phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, lệ phí pho tô hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Đỗ Thị H đã dự nộp số tiền 900.000đ đã chi hết.

Xét yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Sơn Thị P là có căn cứ chấp nhận.

Đất nuôi trồng T sản: 25.000đ/m^2; đất thổ cư: 170.000đ/m^2.

Về án phí dân sự có giá ngạch: Bà Đỗ Thị H phải nộp đối với yêu cầu không được chấp nhận cụ thể: 300m^2 x 170.000đ = 51.000.000đ; 22.711,2m^2 x 25.000đ = 567.780.000đ. Số tiền cụ thể bà H phải nộp: 20.000.000đ + 218.780.000đ x 4% = 28.751.000đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai

Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H đối với bà Sơn Thị P, yêu cầu giao trả phần đất tổng diện tích 23.011,2m^2, tọa lạc tại ấp 1, xã An T, huyện H, tỉnh B, nằm tại thửa số 396, 397, 398, tờ bản đồ số 19, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Sơn Thị P.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị H đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 23.011,3m^2 tại thửa số 396, 397, 398, tờ bản đồ số 19, cấp năm 1996, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Sơn Thị P.

Về chí phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, lệ phí pho tô hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Đỗ Thị H đã dự nộp số tiền 900.000đ đã chi hết.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Đỗ Thị H phải chịu số tiền 28.751.000đ. Bà H đã dự nộp số tiền 2.000.000đ theo biên lai thu số 0004930 ngày 11/10/2016 được chuyển thu án phí. Bà H còn phải nộp thêm số tiền 26.751.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Án xử công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án niêm yết công khai nơi anh, chị cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Chi Cục THA.DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Như Y